TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày 29-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Tùng;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chuyên;
Bà Đặng Thị Đào;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2023/TLST-HS, ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hầu Văn Đ** (Tên gọi khác: không), sinh ngày 07/6/1998. Tại Thái Nguyên;

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm T1, xã Y, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính: Nam; T giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hầu Văn T3 (đã chết), con bà Hoàng Thị B, sinh năm 1974; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: 01

Tại bản án số 56/2021/HSST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Hầu Văn Đ 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: 02;

Tại quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện P, về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Hầu Văn Đ trong thời hạn 03 tháng. Chấp hành xong ngày 18/11/2020.

Tại quyết định số 02/QĐ-TA ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Hiện bị cáo chưa thi hành quyết định này.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương (có mặt)

2. Họ và tên: **Trạc Văn H** (Tên gọi khác: không), sinh ngày 29/02/2000. Tại Thái Nguyên;

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 5/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính; Nam; T giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trạc Văn V, sinh năm: 1977, con bà Nịnh Thị D, sinh năm: 1979; Vợ, con: chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 27/2019/HSST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, xử phạt Trạc Văn H 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị cáo đã chấp hành xong ngày 02/5/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Chị Lâm Thu P, sinh năm 1998;(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh T.

2. Bà Nịnh Thị T, sinh năm 1971;(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm T1, xã Y, huyện P, tỉnh T.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981(vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm 2, thôn P1, xã T3, huyện K, tỉnh H

Nơi ở hiện tại: xóm Đầu, xã Y, huyện P, tỉnh T.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Chu Văn Đ4, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm C, xã C, huyện P, tỉnh T;

2. Anh Lưu Văn C, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm C, xã C, huyện P, tỉnh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hầu Văn Đ, sinh năm 1998, trú tại xóm T1, xã Y, huyện P và Trạc Văn H, sinh năm 2000, trú tại xóm N, xã Y, huyện P đều là những người nghiện ma túy không có việc làm ổn định, Đ và H đã bàn bạc, thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Khoảng 08 giờ ngày 04/12/2022, H đến nhà Đ chơi và rủ Đ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy, Đ nhất trí, cả hai đi bộ đến khu vực xóm T1, xã Y, Phú Lương để tìm tài sản. Khi đi qua nhà bà Nịnh Thị T, Đ phát hiện thấy ở sân trước cửa nhà có dựng 01 xe mô tô, loại xe Cub màu sơn xanh, BKS 97F9- 84.46 không có người trông coi, cả hai thống nhất trộm cắp chiếc xe trên, theo đó H ở

ngoài cảnh giới, còn Đ đi vào sân nhà bà T đến vị trí dựng chiếc xe mô tô, kiểm tra thấy xe không có chìa khóa điện, không khóa cổ, khóa càng. Đ quay đầu xe dắt ra ngoài rồi đạp nổ máy, H ngồi lên phía sau và nói "*Mang đi bán sắt vụn*", cả hai điều khiển xe đi theo đường liên xóm để tìm nơi tiêu thụ xe, khi đến khu vực xóm Ó, xã Y, huyện Phú Lương thì Đ và H bán chiếc xe trên cho người thu mua sắt vụn tên là Hương (không biết họ, địa chỉ cụ thể) được số tiền 700.000đ, số tiền này cả hai đi mua ma túy và cùng sử dụng hết.

Hồi 10 giờ cùng ngày, bà T về nhà phát hiện bị mất xe mô tô nên đã làm đơn trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương. Qua xác minh truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Đ; H để làm rõ. Tại Cơ quan điều tra Đ, H đều khai nhận ngày 04/12/2022 đã trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 97F9-8446 của gia đình bà T ở xóm T1, xã Y, huyện Phú Lương như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65 ngày 20/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Phú Lương, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Cub màu sơn xanh. BKS 97F9- 8446, dung tích xi-lanh 70cc, đăng ký lần đầu tháng 12/2009. Tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá còn lại là 2.464.000đ (*hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn- VNĐ*). Tài sản thiệt hại hiện không thu hồi được.

Quá trình điều tra vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương đã làm rõ: Ngoài vụ trộm cắp tài sản ngày 04/12/2022 nêu trên, trong các ngày 02; 15 và ngày 16/12/2022. Đ và H còn thực hiện 03 vụ Trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Phú Lương, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 02/12/2022, Đ và H đi bộ đến chợ Trung tâm xã Y, huyện P, mục đích tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, khi đi Đ mang theo 01 chiếc vam phá khóa xe mô tô tự tạo bằng kim loại, có một đầu dẹt, chuôi bằng gỗ dài khoảng 10cm, mục đích sử dụng để phá khóa điện của xe mô tô. Khi đến chợ cả hai phát hiện thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu sơn đỏ đen, BKS 20E1 - 185.57 (sau xác định được là xe của chị Lâm Thu P, sinh năm 1998, trú tại xóm Đ, xã Y, huyện P) dựng ở rìa đường gần cổng chợ, xe không khóa cổ, khóa càng và không có người coi giữ, H đứng cảnh giới còn Đ đi đến nơi dựng xe ngồi lên yên xe, dùng chiếc vam phá khóa cắm vào ổ khóa điện của xe mở khóa nổ máy xe. H ngồi lên phía sau rồi cả hai đi đến khu vực xã C, huyện Phú Lương bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không quen biết được 600.000 Đ. Số tiền này Đ và H đã mua ma túy sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐ ngày 14/01/2023, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện phú Lương kết luận: Tại thời điểm bị Đ và H chiếm đoạt giá trị còn lại của chiếc xe mô tô của chị Lâm Thu P là 10.730.000 đồng (*mười triệu bảy trăm ba mươi nghìn* - VNĐ) hiện chiếc xe không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Sáng 15/12/2022. Đ cùng H phát hiện thấy tại bãi khai thác đá của mỏ đá N thuộc Công ty A, ở xóm Đ5, xã Y, huyện P có để nhiều máy móc, thiết bị khai thác đá của mỏ không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Đ và H đi đến nơi để dàn máy nén khí khoan đá, Đ thấy ở cạnh máy có sẵn bộ dụng cụ sửa chữa máy nên đã cùng với H sử dụng tháo được 04 giọ xi-lanh; 01 ống lò so tản nhiệt; 01 buluy tời; 01 nắp bưởng bánh đà; 01 đầu chắn cánh quạt mô tơ; 01 bảng điều khiển giàn khoan; 01 quạt gió của máy khoan, sau khi trộm cắp được số tài sản trên cả hai vận chuyển lên rìa đường gần đó rồi Đ gọi điện thoại cho Chu Văn B5, sinh năm 1979, trú tại xóm C, xã C, huyện P, là người chuyên thu mua sắt vụn đến để bán số tài sản vừa trộm cắp được, khoảng một tiếng sau B5 điều khiển xe ô tô tải BKS 88C- 014.44 đến nơi gặp Đ và H, B5 hỏi "Sắt ở đâu" ? Đ trả lời "lấy ở dưới mỏ" B5 đồng ý mua và bảo bốc lên xe cân được tổng là 100kg. B5 trả cho Đ và H 600.000đ, ngoài ra B5 còn cho Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và dặn "cầm lấy cái điện thoại này, khi nào có hàng thì gọi anh lên bốc". Số tiền 600.000đ do bán tài sản trộm cắp có được H và Đ đã cùng nhau chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐ ngày 20/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện phú Lương kết luận: Tổng trị giá tài sản thiệt hại gồm 04 dọ xi-lanh; 01 ống lò so tản nhiệt; 01 buluy tời; 01 nắp bưởng bánh đà; 01 đầu chắn cánh quạt mô tơ; 01 bảng điều khiển giàn khoan; 01 quạt gió của máy nén khí, tại thời điểm bị chiếm đoạt giá trị còn lại là 6.900.000đ. *(sáu triệu chín trăm nghìn VNĐ)*

Vụ thứ 3: Sáng 16/12/2022, Đ và H tiếp tục đến bãi khai thác đá của mỏ đá N để tháo thiết bị của máy khoan đá bán lấy tiền mua ma túy, trước khi đi H gọi điện cho Chu Văn B5 bảo gọi thêm người lên tháo thiết bị của máy cùng H và Đ. B5 đồng ý và hẹn gặp H tại khu vực gần mỏ đá N, sau đó B5 gọi cho Lưu Văn C, sinh năm 1970; Chu Văn Đ4, sinh năm 1996 đều trú tại xóm C, xã C, huyện Phú Lương là những người bốc hàng sắt vụn thuê cho B5 để đi bốc hàng. B5 điều khiển xe ô tô tải BKS 88C- 014.44 chở theo C và Đ4 đến gặp H. Tại đây, B5, H cùng với C; Đ4 đi xuống khu vực máy nén khí để khiêng số thiết bị của máy khoan mà H và Đ đã tháo được trước đó lên xe ô tô gồm: 01 thùng phi; 01 thành xi-lanh; 01 bình nén khí kích thước 1,8 x 0,66 m, ngay lúc đó bị tổ công tác của Công an xã Y phát hiện Đ, H, C, Đ4 bỏ chạy lên đồi cây gần đó, còn B5 bị tổ công tác giữ lại và lập biên bản sự việc, Đ thời chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương để xác minh làm rõ. Kiểm tra số tài sản trên thùng xe ô tô tải BKS 88C- 014.44 của Nguyễn Văn B5 thấy có một số tài sản là thiết bị của máy khoan đá gồm: 01 thùng phi; 01 thành xi-lanh; 01 bình nén khí kích thước 1,8 x 0,66 m, B5 khai đây là những tài sản do B5 chở thuê cho Đ và H từ mỏ đá N ra thị trấn Đu để lấy tiền công.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐ ngày 20/12/2022 của Hội dồngd định giá tài sản tố tụng hình sự huyện phú Lương kết luận: Tổng trị giá tài sản thiệt hại gồm 01 thùng phi; 01 thành xi-lanh; 01 bình nén khí kích thước 1,8 x 0,66 m, tất cả đã qua sử dụng, có trị giá là 5.700.000đ *(năm triệu bảy trăm nghìn Đ)*

Toàn bộ tài sản là số thiết bị của máy khoan đá thu giữ được trên xe ô tô tải của Chu Văn B5 do Đ và H trộm cắp tại mỏ đá N trong các ngày 15; 16/12/2022, đã được thu hồi trả lại cho anh Nguyễn Văn H1 là công nhân của mỏ đá N và là chủ sở hữu của chiếc máy khoan đá quản lý, sử dụng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Cả hai bị cáo đều xác định không bị ép cung, nhục hình, khai báo trong tình trạng sức khỏe tốt, tỉnh táo; được nhận bản cáo trạng, đã đọc kỹ và nghe công bố tại phiên tòa, không thắc mắc về nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Hầu Văn Đ, Trạc Văn H theo Cáo trạng số 23/CT-VKSPL ngày 17/4/2023 và đề nghị Hội Đ xét xử: tuyên bố bị cáo Hầu Văn Đ và Trạc Văn H phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hầu Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trạc Văn H từ 30 đến 36 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại tài sản do các bị cáo trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên không đề nghị xem xét.

Buộc các bị cáo bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 10.000.000đ (mười triệu Đ) theo đơn đề nghị của chị P.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu Đ) theo đơn đề nghị của bà T.

*. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

*.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ và bị cáo H nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, cả hai bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Cả hai bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị hại chị Lâm Thu P và bà Nịnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại anh Nguyễn Văn H1 và người làm chứng anh Chu Văn Đ4, anh Lưu Văn C Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị hại anh H1 và người làm chứng anh Đ4, anh C vắng mặt. Tại phiên tòa các bị cáo, không có ý kiến về sự vắng mặt của những người bị hại cũng như người làm chứng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng. Quá trình điều tra bị hại và người làm chứng không ai có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại. Do đó, Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại chị P, bà T, anh H1 và người làm chứng anh C, anh Đ4 theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay cả hai bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm và thực nghiệm điều tra tại hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng những chứng cứ, tài liệu khác được thu thập có trong hồ

sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 02 đến ngày 16/12/2022 Hầu Văn Đ và Trạc Văn H đã liên tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Y, huyện P, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 02/12/2022 tại chợ Trung Tâm xã Y, lợi dụng sơ hở của chị Lâm Thu P. Đ và H đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu sơn đỏ đen, BKS 20E1 - 185.57 trị giá 10.730.000 đồng, cả hai mang xe đến khu vực xã C, huyện Phú Lương bán cho người không quen biết được 600.000 đồng, số tiền này cả hai mua ma túy sử dụng hết. Tài sản thiệt hại không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Ngày 04/12/2022 tại xóm T1, xã Y, huyện Phú Lương, lợi dụng sơ hở của bà Nịnh Thị T để xe mô tô ở sân và không có người trông coi. Đ và H đã trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô, loại xe Cub màu sơn xanh, BKS 97F9- 8446 trị giá 2.464.000 đồng của bà T, mang bán cho một người tên Hương là người thu mua sắt vụn được 700.000 đồng, số tiền này cả hai đã cùng mua ma túy và sử dụng hết.Tài sản thiệt hại không thu hồi được.

Vụ thứ ba: Ngày 15/12/2022 tại bãi khai thác đá của mỏ đá N thuộc địa bàn xóm Đ, xã Y, huyện P. Đ và H đã trộm cắp số tài sản là thiết bị máy nén khí của anh Nguyễn Văn H1- là công nhân mỏ đá Núi Chuông chủ sở hữu tài sản gồm 04 dọ xi-lanh; 01 bộ lò so tản nhiệt; 01 buluy tời; 01 nắp bưởng bánh đà; 01 đầu chắn cánh quạt mô tơ; 01 bảng điều khiển giàn khoan; 01 quạt gió, cả hai mang số tài sản trên bán cho Chu Văn Bình với giá 600.000đ. Qua định giá xác định tổng trị giá thiệt hại là 6.900.000đ. Số tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng.

Vụ thứ tư: Ngày 16/12/2022 Đ và H tiếp tục đến nơi để chiếc máy nén khí của anh H1 tại mỏ đá N trộm cắp thiết bị của máy gồm 01 thùng phi; 01 thành xi-lanh; 01 bình nén khí rồi gọi Chu Văn B5 đến vận chuyển và bán cho B5, khi vận chuyển lên xe ô tô của B5 thì bị Công an xã Y phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ số tài sản Đ và H vừa trộm cắp được. Qua định giá xác định tổng trị giá thiệt hại là 5.700.000đ. Số tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng.

Tổng trị giá tài sản thiệt hại trong 04 vụ trộm cắp tài sản do các bị cáo thực hiện nêu trên là 25.730.000đ (*hai mươi năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Hầu Văn Đ và Trạc Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nội dung điều luật quy định.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm trong vụ án:

Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xã hội, các bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không thể hiện rõ tính chất tổ chức. Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy nên đã rủ nhau cùng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài nên vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau, không có người chủ mưu, cầm đầu.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đều đã từng bị xét xử về hình sự. Ngoài ra bị cáo Đ còn có 02 tiền sự chưa được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần, mỗi lần giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp đều trên 2.000.000đ *(hai triệu Đ)*. Vì vậy cả hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo Hầu Văn Đ tại bản án số 56/2021/HSST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "Tái phạm".

[6] Về hình phạt áp dụng: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội Đ xét xử thấy:

Bị cáo Trạc Văn H được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hầu Văn Đ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Hành vi nêu trên của các bị cáo là vi phạm pháp luật, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều đã bị xét xử về hình sự nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo Hầu Văn Đ phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xử bị cáo Đ mức án cao hơn bị cáo H.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".*

Xét thấy, các bị cáo Hầu Văn Đ, Trạc Văn H đều là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, hiện đang bị tạm giam; việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo không có tính khả thi; do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại anh Nguyễn Văn H1: Quá trình điều tra bị hại anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại tài sản do các bị cáo trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị hại Nịnh Thị T: Chiếc xe mô tô, loại xe Cub màu sơn xanh, BKS 97F9- 84.46 của bà T hiện không thu giữ lại được bà T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.000.000đ.

Đối với bị hại Lâm Thu P: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu sơn đỏ đen, BKS 20E1 - 185.57 của chị P hiện không thu giữ lại được chị P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000đ.

Xét yêu cầu của bà T và chị P là có căn cứ. Do vậy cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* và bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*. Cụ thể bị cáo

mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)*. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*

[8]. Về vật chứng của vụ án: - 01 vam phá khóa tự tạo dài 11cm, phần tay cầm bằng gỗ cuấn băng dính màu đen dài 8,5cm, phần đầu bằng kim loại dài 2,5cm được niêm phong trong bì ký hiệu S1; 01 bì niêm phong ký hiệu A1 trong có 03 cờ lê và 01 kìm kim loại; 01 bì niêm phong ký hiệu A2 trong có 01 hộp đồ sửa chữa; 01 bì niêm phong ký hiệu A3 trong có 01 dao liềm và 01 thanh sắt tròn xét thấy các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Trong vụ án này còn có Chu Văn B5: là người trong các ngày 15; 16/12/2022 đã mua tài sản do Đ và H trộm cắp được tại mỏ đá N, hứa hẹn với H và Đ sẽ mua tài sản do Đ và H trộm cắp được, tuy nhiên ngày 17/01/2023 Chu Văn B5 đã chết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với B5.

Đối với người phụ nữ tên H đã mua chiếc xe mô tô cub BKS 97F9- 8446 do Đ và H trộm cắp của bà T ngày 04/12/2022 với giá 600.000đ tại khu vực xóm Ó, xã Y và người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô Sirius màu sơn đỏ đen, BKS 20E1 - 185.57 của chị P tại khu vực xã C, huyện P do Đ, H không biết họ và địa chỉ cụ thể của H và người đàn ông nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với Lưu Văn C, Chu Văn Đ4 là những người ngày 16/12/2022 đi cùng với Chu văn B5 đến nơi H và Đ trộm cắp tài sản tại mỏ đá N, cùng khiêng hộ só tài sản do Đ và H trộm cắp được lên xe ô tô của B5, qua điều tra xác định C và Đ4 là những người làm công cho B5 được B5 thuê đi bốc sắt vụn, không biết đó là tài sản do Đ và H phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với C và Đ4.

Trong vụ án này, ngoài số tài sản đã được thu hồi ra anh Nguyễn Văn H1 trình báo còn bị mất một số tài sản khác của máy nén khí khai thác đá, qua điều tra Đ và H không thừa nhận trộm cắp số tài sản trên, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[10] Về án phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo H là chưa phù hợp, về mức hình phạt đối với bị cáo Đ và những vấn đề khác là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hầu Văn Đ, Trạc Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. ***Về hình phạt chính:***

1.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hầu Văn Đ 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/12/2022.

Áp dụng: Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Đ thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

1.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trạc Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/12/2022.

- Áp dụng: Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Yến thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. ***Về hình phạt bổ sung:*** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. ***Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584; 585; 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hầu Văn Đ và bị cáo Trạc Văn H phải liên đới bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* và bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* Cụ thể:

Bị cáo Hầu Văn Đ phải bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền 1.000.000đ *(một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*

Bị cáo Trạc Văn H phải bồi thường cho bà Nịnh Thị T số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)*. Bồi thường cho chị Lâm Thu P số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. ***Về vật chứng:*** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*.Tịch thu tiêu hủy:

- 01bì niêm phong ký hiệu S1, bên trong có: 01 vam phá khóa tự tạo dài 11 cm, phần tay cầm bằng gỗ cuấn băng dính màu đen dài 8,5 cm, phần đầu bằng kim loại dài 2,5 cm;

- 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên trong có: 03 cờ lê và 01 kìm kim loại;

- 01 bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 hộp đồ sửa chữa;

- 01 bì niêm phong ký hiệu A3, bên trong có: 01 dao liểm và 01 thanh sắt tròn.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 47/2023 ngày 27/4/2023 giữa Cơ quan Công an huyện Phú Lương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương).

5. ***Về án phí:*** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hầu Văn Đ, Trạc Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự vào ngân sách Nhà nước.

6. ***Về quyền kháng cáo****:* Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thanh Tùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thanh Tùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thanh Tùng